

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BẢO MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BẢO MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO MINH PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BAO MINH PACKAGING.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108170991

**3. Ngày thành lập:** 27/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Chùa, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02463282488

Fax:

Email: [baominh2488@gmail.com](mailto:baominh2488@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                       | 7710     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.                                                                         | 8299     |
| 3.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4751     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                   | 4669     |
| 5.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                         | 4933     |
| 6.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng ( kể cả máy vi tính) | 7730     |
| 7.  | In ấn                                                                                                                                                                                                        | 1811     |
| 8.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                     | 1812     |
| 9.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                 | 1311     |
| 10. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                        | 1312     |
| 11. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                      | 1313     |
| 12. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                      | 1321     |
| 13. | Sản xuất thảm, chăn đệm                                                                                                                                                                                      | 1323     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính<br>- Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn<br>- Sản xuất đồ tía trang trí, vải viền, quả tua<br>- Sản xuất nỉ<br>- Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dài hoặc mẫu ten rời để trang trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1329        |
| 15. | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1702        |
| 16. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2220(Chính) |
| 17. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2592        |
| 18. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2822        |
| 19. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3312        |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4649        |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4651        |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4652        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4653        |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng ( trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu:<br>+ Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>+ Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>+ Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>+ Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>+ Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; | 4659        |
| 25. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3320        |
| 26. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1701        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1623 |
| 28. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4210 |
| 29. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610 |
| 30. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3314 |
| 31. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321 |
| 32. | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1322 |
| 33. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như: Giấy vệ sinh. Khăn ăn, giấy ăn, khăn lau, Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh, Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy<br>- Sản xuất các đồ dẹt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: giấy vệ sinh, băng vệ sinh<br>- Sản xuất giấy viết, giấy in | 1709 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5221 |
| 35. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8230 |
| 36. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4641 |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ LÝ    | Xóm Chợ, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 001183018939                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
| 2   | ĐÀO DUY NGUYỄN   | Xóm Chợ, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 012095169                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ QUYÊN | Xóm Chợ, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | 001179004559                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ QUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/11/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001179004559

Ngày cấp: 06/03/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Chợ, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Chợ, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội